

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1960/QĐ-BNN-TCTS ngày 06/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1960/QĐ-BNN-TCTS ngày 06/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ các Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh số: 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững; 13-NQ/TU ngày 11/01/2019 về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 622-QĐ/TU ngày 23/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về ban hành Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh số: 2961/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 về ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thanh Hóa; 2999/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 về việc ban hành Kế hoạch hành động

của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03/02/2021 của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3358/SNN&PTNT-TS ngày 03/8/2021 về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược phát triển thủy sản tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1960/QĐ-BNN-TCTS ngày 06/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- VPCP, Bộ NN&PTNT (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Viện Nông nghiệp Thanh Hóa
- Báo Thanh Hóa, Đài PTTH tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Lưu: VT, NN. (603.2021)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Giang

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1960/QĐ-BNN-TCTS ngày 06/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xác định cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để các cấp, các ngành và địa phương trong tỉnh triển khai thực hiện, nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng nguồn lực và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đảm bảo phát triển ngành thủy sản tỉnh Thanh Hóa phù hợp với quan điểm, mục tiêu và định hướng phát triển trong Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Yêu cầu

- Tổ chức quán triệt nội dung của Chiến lược tới các cơ quan Nhà nước, người dân và doanh nghiệp để nắm chắc quan điểm, mục tiêu, chủ trương, định hướng và các giải pháp thực hiện.

- Xây dựng các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách cần ưu tiên thực hiện đối với từng lĩnh vực trong ngành thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Từ đó xây dựng các nội dung, tiến độ và trách nhiệm trong triển khai thực hiện.

- Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- *Đến năm 2030*: Phát triển thủy sản thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, sản xuất hàng hóa gắn với công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phát triển bền vững và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học, nguồn lợi được duy trì; có cơ cấu và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; có khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế; tăng cường sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện, phát huy vai trò của tổ chức cộng đồng, huy động các nguồn lực cho phát triển sản xuất, gắn sản xuất

thủy sản với bảo vệ an ninh, quốc phòng, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc; góp phần đưa Thanh Hóa trở thành tỉnh mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- *Tầm nhìn đến năm 2045*: Xây dựng ngành thủy sản tỉnh Thanh Hóa trở thành ngành kinh tế thương mại hiện đại, bền vững, có trình độ quản lý, khoa học công nghệ tiên tiến; giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu ngành kinh tế nông nghiệp và kinh tế biển, góp phần bảo đảm an ninh dinh dưỡng, thực phẩm, đảm bảo an sinh xã hội; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo Tổ quốc.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất thủy sản trung bình hàng năm giai đoạn 2021-2025 đạt 5% trở lên.

- Tổng giá trị xuất khẩu thủy sản đạt 125 triệu USD.

- Giá trị sản xuất thủy sản đạt 8.250 tỷ đồng (358,6 triệu USD).

- Tổng sản lượng thủy sản đạt 198.500 tấn; trong đó: sản lượng khai thác thủy sản 134.500 tấn, sản lượng nuôi trồng thủy sản 64.000 tấn.

- Tổng số tàu cá khai thác vùng khơi 1.350 tàu, sản lượng khai thác vùng khơi 88.000 tấn.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản 19.300 ha; trong đó, sản phẩm chủ lực: Tôm: diện tích 4.100 ha, sản lượng 10.700 tấn; Ngao: diện tích 1.000 ha, sản lượng 13.000 tấn.

- Giải quyết việc làm cho trên 100.000 lao động, có thu nhập bình quân đầu người lao động thủy sản tương đương thu nhập bình quân chung lao động trên địa bàn tỉnh.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất thủy sản trung bình hàng năm giai đoạn 2025-2030 đạt 6% trở lên.

- Tổng giá trị xuất khẩu thủy sản đạt 145 triệu USD.

- Giá trị sản xuất thủy sản đạt 11.100 tỷ đồng (482,6 triệu USD).

- Tổng sản lượng thủy sản đạt 215.000 tấn; trong đó: sản lượng khai thác thủy sản 145.000 tấn, sản lượng nuôi trồng thủy sản 70.000 tấn.

- Tổng số tàu cá khai thác vùng khơi 1.500 tàu, sản lượng khai thác vùng khơi 97.000 tấn.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản ổn định 19.300 ha; trong đó, sản phẩm chủ lực: Tôm: diện tích 4.100 ha, sản lượng 16.000 tấn; Ngao: diện tích 1.000 ha, sản lượng 13.000 tấn.

- Giải quyết việc làm cho trên 105.000 lao động, có thu nhập bình quân đầu người lao động thủy sản tương đương thu nhập bình quân chung lao động trên địa bàn tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền

Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức và tầm quan trọng của các cấp chính quyền, các ngành, các cơ quan, doanh nghiệp, các đoàn thể chính trị xã hội, cộng đồng dân cư và mỗi người dân về định hướng chung của ngành thủy sản, các mục tiêu, quan điểm, vai trò và tầm quan trọng của Chiến lược đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng; đồng thời, chú trọng nội dung tuyên truyền Luật Thủy sản, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, các tiến bộ khoa học kỹ thuật; an toàn trong nuôi trồng, khai thác, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm thủy sản.

2. Củng cố, hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động bộ máy quản lý, chất lượng nguồn nhân lực thủy sản

- Rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý về thủy sản. Đánh giá hiệu quả của mô hình tổ chức hiện tại, trên cơ sở đó đề xuất UBND tỉnh kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy, tăng cường năng lực cho các cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh.

- Thành lập lực lượng kiểm ngư theo Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ để thực thi pháp luật thủy sản.

- Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn sâu trong lĩnh vực sản xuất thủy sản, nhất là nhân lực cho các Trường, Viện Nông nghiệp về lĩnh vực thủy sản. Đào tạo các nghề từ trình độ sơ cấp trở lên cho lao động trong lĩnh vực nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản.

3. Tổ chức sản xuất thủy sản

3.1. Bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản

- Tổ chức điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản theo chuyên đề; điều tra, đánh giá nghề cá thương phẩm trên địa bàn tỉnh; thiết lập và quản lý các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu bảo tồn biển.

- Phục hồi các hệ sinh thái; nghiên cứu, chuyển giao sản xuất giống một số loài thủy sản bản địa, quý, hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học. Thành lập và đi vào hoạt động Quỹ Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản cấp tỉnh. Tăng cường thực hiện hoạt động thả giống bổ sung, tái tạo, phát triển nguồn lợi thủy sản tại các thủy vực tự nhiên nội địa, hồ chứa và vùng biển ven bờ.

- Thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thành lập và giao quyền quản lý cho các tổ chức cộng đồng trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản đối với vùng biển ven bờ, vùng nước nội địa. Quan tâm bảo vệ các khu vực tập

trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non sinh sống và đường di cư của các loài thủy sản.

3.2. Khai thác thủy sản

- Nâng cấp đội tàu, phát triển khai thác vùng khơi hiệu quả, bền vững trên cơ sở giảm dần cường lực khai thác vùng lộng và ven bờ đảm bảo phù hợp với trữ lượng nguồn lợi thủy sản. Sắp xếp cơ cấu nghề khai thác, lao động phù hợp với điều kiện tự nhiên, nguồn lợi thủy sản và đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tuân thủ các quy định chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; giảm thiểu, tiến tới chấm dứt các nghề khai thác có tính hủy diệt nguồn lợi thủy sản, chuyển đổi các nghề xâm hại đến nguồn lợi sang các nghề thân thiện với môi trường và nguồn lợi thủy sản.

- Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển khai thác thủy sản; củng cố, phát triển các tổ, đội, hợp tác xã trong khai thác thủy sản; ứng dụng khoa học công nghệ trong bảo quản sau thu hoạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá, nhằm giám sát có hiệu quả hoạt động của tàu cá trên biển, chủ động cảnh báo, kịp thời ứng phó với các sự cố, rủi ro, thiên tai trên biển. Đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động trên biển, tham gia hiệu quả công tác hỗ trợ tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

3.3. Nuôi trồng thủy sản

- Tiếp tục phát triển nuôi hiệu quả các đối tượng chủ lực và các loài thủy sản có giá trị kinh tế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Tạo thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng nuôi an toàn dịch bệnh, áp dụng các tiêu chuẩn chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (GAP) để phục vụ chế biến, tiêu dùng và xuất khẩu.

+ Tập trung đầu tư phát triển nuôi tôm nước lợ, cá biển và nuôi ngao ở các huyện, thị ven biển.

+ Phát triển nuôi thủy sản có giá trị kinh tế trên hồ chứa thủy lợi, thủy điện đối với các huyện miền núi. Hình thành các vùng nuôi thủy sản tập trung ở các huyện đồng bằng, trung du.

- Phát huy hiệu quả Trung tâm sản xuất giống thủy sản nước mặn, lợ đã được đầu tư; chủ động phát triển giống các đối tượng nuôi chủ lực, giá trị kinh tế cao, các loài mới có tiềm năng; phát triển các sản phẩm thủy sản có lợi thế địa phương, thúc đẩy tổ chức và đảm bảo giá trị của cộng đồng trong phát triển sản phẩm OCOP gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Khuyến khích phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, giảm giá thành sản xuất, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; các mô hình nuôi hữu cơ, nuôi sinh thái, áp dụng các tiêu

chuẩn chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (GAP) để nâng cao giá trị và phát triển bền vững; các mô hình sản xuất nuôi trồng thủy sản theo hình thức hợp tác để tạo vùng sản xuất hàng hóa, liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với thị trường tiêu thụ; mô hình nuôi trồng thủy sản gắn với các hoạt động giáo dục, du lịch, tham quan.

- Thực hiện quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản; tổ chức điều tra, đánh giá việc bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản; nguồn ô nhiễm, chất thải từ hoạt động nuôi trồng thủy sản.

- Tổ chức phòng bệnh, khống chế và kiểm soát có hiệu quả dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi, xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh.

3.4. Chế biến và tiêu thụ thủy sản

- Phát triển công nghiệp chế biến thủy sản, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp lớn đóng vai trò chủ đạo trong việc dẫn dắt, thúc đẩy phát triển chuỗi sản xuất thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; khuyến khích đổi mới máy móc, thiết bị và công nghệ; áp dụng và được chứng nhận các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến như GMP, HACCP, ISO 22000, ISO 14000... đáp ứng yêu cầu chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế, đồng thời mở rộng thị trường trong nước trên cơ sở đa dạng hóa các sản phẩm, phù hợp với thị hiếu tiêu dùng của người Việt Nam.

- Chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo hướng nâng cao tỷ trọng các sản phẩm chế biến sâu, chế biến tinh có giá trị gia tăng cao phục vụ các ngành thực phẩm và phi thực phẩm; đảm bảo tuân thủ quy tắc xuất xứ, an toàn môi trường và an sinh xã hội; nâng cao hiệu quả kinh tế và năng lực cạnh tranh.

- Tổ chức sản xuất thủy sản tuần hoàn theo chuỗi giá trị sản phẩm, gắn nuôi trồng, khai thác với chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản; khôi phục và phát triển các làng nghề chế biến truyền thống theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo sản xuất gắn với chỉ dẫn địa lý và thương hiệu đặc trưng của từng địa phương. Thực hiện việc truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu các sản phẩm thủy sản, nhất là các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cao của tỉnh. Hình thành hệ thống kênh phân phối sản phẩm thủy sản trong và ngoài nước.

3.5. Phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần nghề cá

Đầu tư, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá phục vụ phát triển thủy sản: Đầu tư nâng cấp các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá, cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu cá, kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, trung tâm sản xuất giống tỉnh; hình thành các trung tâm nghề cá lớn tại các vùng trọng điểm trong tỉnh; thực hiện nạo vét luồng lạch, khắc phục sự bồi lắng tại các cửa lạch ra, vào cảng cá, âu tránh trú bão.

4. Phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ

- Áp dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, tự động hóa, chuyển đổi số nâng cao hiệu quả trong quản lý, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ thủy sản.

- Nâng cao năng lực khai thác hải sản vùng khơi gắn với áp dụng công nghệ hiện đại trong khai thác và bảo quản nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm sau thu hoạch; ưu tiên sử dụng vật liệu mới trong đóng mới tàu cá.

- Ứng dụng công nghệ nuôi trồng thủy sản có năng suất cao, chất lượng, giảm giá thành sản xuất, bảo vệ môi trường, đặc biệt đối với các hệ thống nuôi thâm canh, siêu thâm canh, nuôi hữu cơ, sinh thái.

- Đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư, nâng cấp các nhà máy chế biến thủy sản để tăng năng suất, giảm chi phí sản xuất, bảo vệ môi trường.

5. Xây dựng cơ chế, chính sách, huy động nguồn lực phục vụ phát triển thủy sản

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành khuyến khích, tạo động lực cho phát triển sản xuất thủy sản; kịp thời xây dựng, sửa đổi, ban hành mới các cơ chế, chính sách phát triển thủy sản: Lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, phí thuê bao thiết bị GSHT, đóng mới hầm bảo quản sản phẩm trên tàu cá bằng vật liệu mới, lắp đặt máy dò cá ngang, chuyển giao công nghệ nuôi thâm canh, nuôi siêu thâm canh thủy sản,...

- Tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của các Bộ, Ngành Trung ương; đầu tư từ ngân sách Trung ương, các dự án đầu tư của các Chính phủ, các tổ chức quốc tế. Tăng cường nguồn ngân sách địa phương đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các vùng nuôi, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão; chú trọng đầu tư công trình thủy lợi, điện lưới phục vụ nuôi trồng thủy sản; đầu tư cho phát triển khai thác thủy sản vùng khơi, đổi mới công nghệ chế biến thủy sản.

- Huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển thủy sản: Các nguồn vốn tín dụng trung và dài hạn cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật phát triển nuôi trồng, dịch vụ hậu cần, đóng mới tàu cá, các cơ sở sản xuất vừa và nhỏ, trại sản xuất giống thủy sản, thức ăn công nghiệp, dịch vụ đá lạnh, cơ khí tàu thuyền và nhiên liệu nghề cá, thu mua chế biến thủy sản. Các nguồn vốn tín dụng ngắn hạn cho đầu tư dịch vụ kinh doanh giống, thức ăn, hóa chất và thuốc thú y thủy sản. Các nguồn vốn của các chính phủ ngoài nước, vốn ODA đầu tư cho hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng, kỹ thuật, đào tạo, tư vấn, chuyển giao công nghệ và truyền thông. Đồng thời, kêu gọi các tổ chức, cá nhân đầu tư các công trình phục vụ khai thác hải sản như: Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, cảng cá theo hình thức đối tác công tư (PPP).

6. Phát triển thị trường, xúc tiến thương mại và hội nhập quốc tế

- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển mở rộng các thị trường trọng điểm và tiềm năng; nâng cao năng lực trao đổi, tiếp cận thông tin thị trường, thương mại thủy sản cho doanh nghiệp, cán bộ quản lý và các bên có liên quan; tăng cường các biện pháp hỗ trợ sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, sản xuất hàng xuất khẩu.

- Hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp đầu vào và thu mua sản phẩm xây dựng chiến lược vùng nguyên liệu và liên kết sản xuất với người dân theo chuỗi giá trị, tạo điều kiện phát triển bền vững cho cả doanh nghiệp và người dân.

- Thực hiện việc truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu các sản phẩm thủy sản có lợi thế cạnh tranh cao, sản phẩm chủ lực, OCCP...

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thu hút và khuyến khích doanh nghiệp nước ngoài đầu tư phát triển kinh tế thủy sản.

(Chi tiết có Phụ lục 1 và 2 kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định, được phân bổ từ các nguồn vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch vốn đầu tư trung hạn, kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 và kinh phí lồng ghép từ các chương trình, dự án khác.

2. Kinh phí tự có của các tổ chức kinh tế; huy động các nguồn lực tài chính hợp pháp từ các nhà tài trợ, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nhiệm vụ, giải pháp được giao trong Kế hoạch này, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành cấp tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, khẩn trương xây dựng kế hoạch cụ thể của ngành, địa phương, đơn vị và phân công lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Kế hoạch này; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng năm (trước ngày 20/12) báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh qua Sở Nông nghiệp và PTNT để theo dõi, tổng hợp.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan đầu mối, thường xuyên tổng hợp, đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình tổ chức thực hiện các công việc, đảm bảo chất lượng và thời gian theo quy định, định kỳ tổng hợp báo cáo, kiến nghị UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp cần thiết nhằm đảm bảo Kế hoạch được thực hiện hiệu quả và đồng bộ.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, địa phương chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục I: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Công tác tuyên truyền			
1	Hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống truyền thanh, truyền hình trong tỉnh đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về các mục tiêu, quan điểm, vai trò và tầm quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm
2	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực thủy sản; tập huấn kỹ thuật về tiến bộ khoa học kỹ thuật; tính hợp pháp, an toàn trong nuôi trồng, khai thác, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm thủy sản.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm
3	Mở các chuyên mục, chuyên đề/ đưa tin, bài về nội dung Chiến lược phát triển thủy sản của tỉnh và các hoạt động thực hiện Chiến lược của đơn vị, ngành trong tỉnh	Đài PT và TH Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và PTNT, các địa phương và đơn vị liên quan	Hàng năm
4	Thực hiện công tác tuyên truyền và chỉ đạo phát các bản tin trên hệ thống phát thanh truyền hình cấp huyện, đài phát thanh xã, hệ thống loa truyền thanh khu phố, thôn xóm về văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực thủy sản, chiến lược phát triển thủy sản	UBND cấp huyện	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
II	Củng cố, hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động bộ máy quản lý, nguồn nhân lực			
1	Thành lập lực lượng Kiểm ngư tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2021-2030
2	Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý thủy sản; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn sâu trong các lĩnh vực về nghiên cứu, sản xuất thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan	2021-2030

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
3	Đào tạo các nghề từ trình độ sơ cấp trở lên cho lao động trong lĩnh vực nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản	Sở LĐ-TB &XH	Các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan	2021-2025
III	Bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản			
1	Điều tra đánh giá nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sản vùng lộng, vùng biển ven bờ tỉnh Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	2022-2023 và 2027-2028
2	Điều tra, đánh giá nghề cá thương phẩm tỉnh Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, TP ven biển	Hàng năm
3	Thả giống tái tạo nguồn lợi thủy sản xuống các thủy vực tự nhiên, hồ chứa nước lớn trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, TP	Hàng năm
4	Thành lập các khu bảo tồn biển cấp tỉnh; quản lý các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	2021-2025
5	Thả rạn hình thành các khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm; loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học; loài thủy sản bản địa, đặc hữu	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan	2026-2030
6	Thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh Thanh Hóa	UBND các huyện, thị xã, TP	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	2026-2030
7	Thành lập và triển khai Quỹ Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2026-2030
IV	Khai thác thủy sản			
1	Thực hiện các biện pháp chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tuần tra, kiểm soát và xử lý các vi phạm về khai thác và bảo vệ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	Hàng năm

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	nguồn lợi thủy sản			
2	Củng cố, phát triển, tổ chức khai thác theo mô hình tổ, đội trong khai thác thủy sản để nâng cao hiệu quả sản xuất, hỗ trợ, giúp đỡ nhau trên biển, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc	UBND các huyện, Tx, TP ven biển và TP Thanh Hóa	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Hàng năm
3	Sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu nghề khai thác phù hợp với nguồn lợi thủy sản và điều kiện tự nhiên của địa phương	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2026 -2030
V	Nuôi trồng thủy sản			
1	Phát triển nuôi tôm nước lợ, nuôi ngao và cá biển; nuôi thủy sản trên các hồ chứa thủy lợi, thủy điện; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, cung cấp nguyên liệu phục vụ chế biến, tiêu dùng và xuất khẩu	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	Hàng năm
2	Xây dựng kế hoạch và thực hiện quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản; triển khai phòng chống dịch bệnh thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	Hàng năm
3	Nâng cao năng lực quản lý và sản xuất nuôi trồng thủy sản theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong quản lý, sản xuất giống, vật tư thủy sản, phòng trừ dịch bệnh, nuôi trồng thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	Hàng năm
4	Phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, giảm giá thành sản xuất, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; các mô hình nuôi hữu cơ, nuôi sinh thái, áp dụng các tiêu chuẩn chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (GAP); phát triển nuôi trồng thủy sản vùng ven biển và khu vực Đảo Mê	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	2022-2030
VI	Chế biến và tiêu thụ sản phẩm			
1	Xây dựng các chuỗi giá trị sản phẩm thủy sản gắn nuôi trồng, khai thác với chế biến, tiêu thụ và được xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có	Hàng năm

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	phẩm an toàn		liên quan	
2	Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản và hỗ trợ quảng bá thương hiệu cho các sản phẩm thủy sản, nhất là các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cao của tỉnh, sản phẩm OCCP....	Sở Nông nghiệp và PTNT	Doanh nghiệp, HTX, THT thủy sản	2021-2025
3	Khuyến khích các doanh nghiệp lớn, đầu tàu dẫn dắt, các cơ sở tham gia chuỗi giá trị áp dụng và được chứng nhận các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến như GMP, HACCP, ISO 22000, ISO 14000... đáp ứng yêu cầu chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Doanh nghiệp, HTX, THT thủy sản	2026-2030
4	Khôi phục và phát triển các làng nghề chế biến truyền thống theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo sản xuất gắn với chỉ dẫn địa lý và thương hiệu đặc trưng của từng địa phương	UBND các huyện, thị, TP	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	2026-2030
VII	Khoa học và Công nghệ			
1	Chuyển giao, ứng dụng công nghệ nuôi trồng thủy sản có năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản xuất, bảo vệ môi trường đối với các hệ thống nuôi thâm canh, siêu thâm canh.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	2021-2030
2	Hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, dự báo ngư trường và nguồn lợi, giám sát hoạt động tàu cá, nuôi trồng thủy sản, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn nghề cá; quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu về thủy sản; cơ giới hóa, tự động hóa trong khai thác; bảo quản sản phẩm sau thu hoạch	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	2022-2030
3	Nghiên cứu, ứng dụng sản xuất giống một số loài thủy sản bản địa, quý, hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học phục vụ sản xuất, tái tạo, phát triển nguồn lợi.	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	2022-2030
VIII	Phát triển thị trường, xúc tiến thương mại và hội nhập quốc tế			

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển mở rộng các thị trường trọng điểm và tiềm năng; nâng cao năng lực trao đổi, tiếp cận thông tin thị trường, thương mại thủy sản cho doanh nghiệp, cán bộ quản lý và các bên có liên quan; tăng cường các biện pháp hỗ trợ sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, sản xuất hàng xuất khẩu.	Sở Công thương	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	2022-2030
2	Tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế trong công tác tổ chức quản lý nghề cá khu vực, thăm dò khai thác nguồn lợi thủy sản; kêu gọi đầu tư trực tiếp từ nước ngoài; đào tạo, chuyển giao, ứng dụng công nghệ khoa học tiên tiến, công nghệ số và hợp tác khai thác viễn dương; ứng phó với biến đổi khí hậu, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, đảm bảo an toàn cho ngư dân khai thác trên biển.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	2022-2030

Phụ lục II: DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN, CHÍNH SÁCH, DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Đề án, chính sách, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Quy mô/công suất	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn	Căn cứ
I	Đề án Phát triển thủy sản gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở, ngành, đơn vị có liên quan	6 huyện, TX, TP ven biển, TP TH và vùng biển tỉnh Thanh Hóa	2022 - 2030	NSNN	QĐ 2999/QĐ-UBND ngày 09/8/2021
II	Các chính sách phát triển thủy sản						
1	Chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan		2021	NSNN	
2	Giải bản, chuyển đổi các tàu cá làm nghề khai thác có tính hủy diệt, xâm hại đến nguồn lợi thủy sản, khai thác kém hiệu quả, tàu cá ven bờ sang các nghề khai thác hiệu quả; thân thiện với nguồn lợi và môi trường thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	1.200 tàu cá	2026-2030	NSNN	
3	Khuyến khích, phát triển đội tàu khai thác vùng khơi; cơ giới hóa, hiện đại hóa các trang thiết bị khai thác, hàng hải; đảm bảo an toàn vệ sinh trên tàu cá và giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	1.000 tàu cá	2026-2030	NSNN	
III	Các dự án ưu tiên						
1	Nâng cấp, mở rộng cảng cá Lạch Hới, phường Quảng Tiên, TP Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp triển khai	UBND TP Sầm Sơn, các sở,	Phục vụ 120 lượt/1.000CV; sản lượng qua cảng	2022- 2025	ODA	Cv số 192/TTg-QHQT ngày 17/02/2021 của

Số TT	Đề án, chính sách, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Quy mô/công suất	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn	Căn cứ
			ngành đơn vị liên quan	25.000 tấn/năm			Thủ tướng Chính phủ
	Nâng cấp, mở rộng cảng cá Lạch Bạng, phường Hải Thanh, TX Nghi Sơn, Thanh Hóa		TX Nghi Sơn; các sở, ngành đơn vị liên quan	Phục vụ 90 lượt/1.000CV; sản lượng qua cảng 15.000 tấn/năm			
2	Nâng cấp, mở rộng cảng cá kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch Trường, xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Phục vụ 90 lượt/1.000CV; sản lượng qua cảng 15.000 tấn/năm; âu phục vụ 700 chiếc/1000CV	2022- 2025	ODA	Cv 3732/UBND-THKH ngày 25/3/2021
3	Nâng cấp mở rộng cảng cá Hoằng Trường, xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hóa.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Phục vụ 50 lượt/450CV; sản lượng qua cảng 5.500 tấn/năm	2022- 2025	ODA	Cv 3732/UBND-THKH ngày 25/3/2021
4	Xây dựng khu neo đậu tránh trú bão tàu thuyền tại hạ lưu Cống T3, xã Nga Tân, huyện Nga Sơn.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành đơn vị có liên quan	Phục vụ gần 200 tàu có công suất trên 300cv	2026 - 2030	NSNN	
5	Đầu tư nâng cấp cảng cá Quảng Nham, huyện Quảng Xương	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành đơn vị có liên quan	Phục vụ 80 lượt/300CV; sản lượng qua cảng 8.000 tấn/năm	2026 - 2030	NSNN	
6	Nâng cấp, phát triển các cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu cá đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa đội tàu cá	Các doanh nghiệp, cơ sở đóng tàu	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	15 cơ sở	2026 - 2030	Xã hội hóa	
7	Nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản các xã: Nga Thủy, Nga Tân, Nga	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn	285ha	2022 - 2030	ODA	Cv 3732/UBND-THKH ngày

Số TT	Đề án, chính sách, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Quy mô/công suất	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn	Căn cứ
	Tiên, huyện Nga Sơn		vị có liên quan				25/3/2021
8	Nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Hoàng Yên, huyện Hoàng Hóa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	270ha	2022 - 2030	ODA	Cv 3732/UBND-THKH ngày 25/3/2021
9	Nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Hoàng Phong, huyện Hoàng Hóa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	225ha	2022-2030	Nguồn vốn ODA	Cv 3732/UBND-THKH ngày 25/3/2021
10	Nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hóa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	105ha	2022-2030	Nguồn vốn ODA	Cv 3732/UBND-THKH ngày 25/3/2021
11	Nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Hoàng Châu, huyện Hoàng Hóa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	225ha	2022-2030	Nguồn vốn ODA	Cv 3732/UBND-THKH ngày 25/3/2021
12	Nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	64ha	2022-2030	Nguồn vốn ODA	Cv 3732/UBND-THKH ngày 25/3/2021
13	Nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng NTTS xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	170ha	2022-2030	Nguồn vốn ODA	Cv 3732/UBND-THKH ngày 25/3/2021
14	Đầu tư cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung Minh Lộc, Hòa Lộc huyện Hậu Lộc	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên	80ha	2022- 2025	NSTW	QĐ 501/QĐ-UBND ngày 17/2/2017

Số TT	Đề án, chính sách, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Quy mô/công suất	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn	Căn cứ
			quan				
15	Đầu tư xây dựng hạ tầng và thu hút đầu tư các cụm chế biến hải sản tập trung ở các xã ven biển có nghề truyền thống chế biến hải sản; đẩy mạnh liên kết sản xuất theo hình thức tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX; hướng tới hình thành các trung tâm nghề cá lớn tại các vùng trọng điểm	UBND các huyện, thị xã ven biển	Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan		2022-2025	NSNN	Kế hoạch 115/KH-UBND ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh